

Đề chính thức

Đề này gồm có **02** trang

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi :

Tôi không thích khi cưỡi xe vào tận thềm nhà lại phải rạp mình dưới giàn bầu ấy. Chị và mẹ tôi lại ngại tóc rối. Cha tôi khó chịu khi phải dắt quan khách lên lối bên mấy trái bầu để vào căn nhà sang trọng. Nhưng không ai dám chặt phá giàn bầu bởi nó của bà nội tôi. Bà trồng nó từ hồi trong quê ra. Thoạt đầu, chị em chúng tôi thích lắm, chiều chiều lon ton xách thùng ra tưới. Chúng tôi tưới như tưới hoa. Nội cười- “Bay tưới như thần lặn đáy”. Rồi bà đổ nước soàn soạt, chúng tôi nghe theo, đổ nước soàn soạt. Dây bầu lớn. Trong cái nách mập mập lú ra mấy trái con xanh xanh. Trái bằng đầu đũa, bằng ngón tay, cườm tay rồi to to mãi. Bữa canh đầu tiên cả nhà háo hức, nuốt tuồn tuột từng miếng bầu trong veo, ngọt lịm. Ba gật gật khen ngon, day sang trách mẹ “sao trước giờ không mua bầu mà nấu ăn bà ta?”

Một lần, hai lần rồi ba lần, chúng tôi ngán tận cổ. Mà, chết thật, nội tôi cứ trồng mãi, trồng mãi, giàn bầu ngày càng rộng ra choán hết khoảng sân kiềng của cha xanh rậm rì. Trái già đến vàng khô, không ai ăn, bà mang cho hàng xóm. Hàng xóm chúng tôi cũng giàu có, họ chê nhưng cũng nhận bởi họ nể cha tôi. Nhiều quá, sớm sớm, chiều chiều, nội mang ra ngõ, này cho chị xôi chè một quả: “ăn lấy thảo”, này cho bác xích lo trái bầu “về nấu cho sắp nhỏ”. Rồi bà lại trồng. Chị Lan nhăn nhó:

- Nội ơi, trồng chi nhiều vậy?

Bà nội cười, buồn buồn.

- Nội làm lật vật quen rồi. Trồng trọt để đỡ nhớ quê.

[...] Ở nhà tôi, công việc nhàn đến mức bà thơ thẩn vào rồi lại thơ thẩn ra. Nhà cao cửa rộng, khéo đi, cả ngày chẳng ai gặp mặt ai. Chị tôi đi học cả ngày, mẹ tôi đến sở. Bà ra cửa trước, tôi vào cửa sau, bà lên lầu, cha đi xuống, gặp nhau ở lối ngõ cầu thang, nội ngó cha, nhắc “Lúc này bay bận rộn, đến không ăn cơm ở nhà, khéo ngã bệnh nghen con”. Cha cười “má khỏi lo”. Rồi mỗi người mỗi ngả. Bà năng xuống bếp, quán quít ở đấy. Chị bếp khoe:

- Bác ơi, con làm bánh tổ nè, bác cháu mình cùng ăn nghen.

Bà tôi gật gù khen ngon. Tôi tò mò nhón lấy một miếng ăn thử, nó giòn ngọt dai dai. Thứ bánh nhà quê này xem ra có khác với Sandwich, chocolate. Bà làm nhiều thứ bánh lắm, không kể hết được, nào là bánh ngọt, bánh ứ...toàn là bánh nhà quê, mà hình như chỉ tôi ăn, ba mẹ, chị Lan đều tránh xa xa hỏi “Bánh đó ăn ra làm sao?” Tôi khoe “Sáng này nội làm bánh khọt ngọt ngon lắm. “Chị Lan tròn mắt” bánh gì tên ngộ vậy?

Ừ, ngộ, ngộ chứ. Nội mua về cái lò đất khói tù mù. Cha tôi chê. Nội mang ra ngoài hè để đỡ ám khói tường nhà. Bà bảo: “Làm bánh khọt thì phải đốt bằng lò đất, nó mới ngon”. Bà đốt lửa, mắt già tèm nhem nước mắt mùi khói thơm thơm, cay nồng. Mùa này nhiều trái bầu khô, nội hái vào móc ruột ra, lấy cái vỏ mần mì gọt. Lâu lâu nội đưa lên nhìn, nheo nheo mắt. Tôi hỏi, nội gọt gì. Nội cười, đưa cho tôi mảnh vỏ dây hình trái tim nõn nịu.

- Mặt dây chuyền cho tụi nhỏ đeo.

Tôi không nén được xuy một tiếng.

- Thời này ai đeo mấy thứ này, nội làm chỉ mất công.

Trong đôi mắt đục đục của bà, tôi thấy có một nỗi buồn sâu kín. Con chị bếp dưới quê lên, bà gói dúi vào tay nó mấy mảnh bầu. Con nhỏ hơn hờ, vui thiệt là vui. Cũng niềm vui ấy, con bé bán vé số

lớn lên cười “Bà dẻo đẹp ghê ha”. Hôm sau tôi thấy nó xúng xính xỏ cọng chỉ vào, đeo tòn ten trước cổ lạ lắm. Hình như tôi ngắm vàng ròng, cảm thạch quen rồi. Tôi xin, bà móm mém cười “Bà để dành cho bay cái đẹp nhất nè”.

Tôi gói trái tim xúu xúu kia bỏ vào ngăn tủ, chị Lan trông thấy giành “cho chị đi”. Tôi lắc đầu. Chị giận bảo “chị cóc cần, ở chợ bán hàng khối”. Nhưng rồi chị quay về nài nỉ tôi. Lần đầu tiên, tôi thấy món quà của nội dễ thương đến thế.

Giàn bầu vẫn trước ngõ. Cha tôi đã thôi khó chịu, hay bực dọc riết rồi chai đi, chẳng biết bực là gì nữa. Nhưng khách đến nhà, ai cũng khen “anh ba có giàn bầu đẹp thiệt”.[...]Bà nội tôi yếu hơn trước, mùa mưa bắt đầu lướt lướt đi qua. Ông chủ tịch đến chơi nhà, ôm chầm lấy nội, lắc lắc “lúc này má khoẻ không?” Nội cười xoa mà nghe nghẹn nghẹn “khỏe, má khỏe”. Cha tôi sai chị bếp mang rượu thịt ra ông chủ tịch khỏa tay:

- Thôi, chú bảo chị ấy nấu canh bầu ăn.

Cha hăng mặt. Chị bếp lúi húi gọt bầu, mùi nước canh xông vào mũi thơm lừng. Ông chủ tịch day qua bà nội khoe “lâu quá không ăn canh bầu rồi, má!” nội cười: “má nhớ bay thích nhất là ăn bầu nấu tép bạc”. Cha dôi dộm mình “để con đi mua tôm”. Ông chủ tịch ấn vai, bảo “thôi, chú cứ ngồi xuống, anh thèm lắm rồi, không chờ chú được đâu”. Hôm ấy cả nhà tôi ăn lại bát canh ngày xưa, nghe ngọt lịm lịm lưỡi. Chị bếp ngo nội, khoái chí cười đầy hàm ý. Hình như nội tôi vui.

Giàn bầu thừa hẳn đi. Cái giống lạ thật. Nắng bao lâu vẫn xanh tốt, mới mưa dầm lại héo dây. Tôi đập vỡ trái bầu khô, lấy hạt ra uơ. Mùa mưa dữ dội, nội tôi bệnh, bà bị chứng tai biến não. Nội lơ ngơ, đã cười đã khóc thì không sao dừng được, tay run rẩy cầm ca nước, bát cơm cũng khó. Trời đổ mưa, sấm giập âm âm, nội thều thào nhắc:

- Sắp nhỏ đừng hứng nước mưa đầu mùa, hồng tốt. Chà, mưa vậy ngập đồng rồi, ngâm giống gieo mạ đi thôi.

Bà nội lần thơ lần thần rồi, mà hình như bà chỉ nhớ về quá khứ. Nội hay ra ngoài hiên, chăm chăm nhìn giàn bầu đang run rẩy trong gió. Bà ngồi đấy lặng lẽ, thần thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu. Tay bà lạnh ngắt, tôi chạy vào phòng lấy lọ dầu thoa, vẫn thấy mảnh bầu trái tim màu vàng trong ngăn kéo, cái màu vàng như của rạ, của lúa, như của mái nhà lá nhỏ lơ phơ dưới nắng chiều. Giàn bầu vẫn trước ngõ, có kẻ đi qua kêu lên, “tôi nhớ nhà”. Cha tôi bảo: “có thể bút người ta ra khỏi quê hương nhưng không thể tách quê hương ra khỏi chúng trái tim con người.” Và cha tôi lại nói đúng.

(Trích *Giàn bầu trước ngõ*, Nguyễn Ngọc Tư, NXB Kim Đồng, 2023, tr 2-3)

Chú thích:

Nguyễn Ngọc Tư sinh năm 1976 tại Đầm Dơi, Cà Mau. Là nữ nhà văn trẻ của Hội nhà văn Việt Nam, giọng văn chị đậm chất Nam bộ. Chất miền quê sông nước ngấm vào các tác phẩm của Nguyễn Ngọc Tư, thấm đẫm tình yêu quê hương và gọi lên những con người chân chất hồn hậu nhưng ít nhiều gặp những bất hạnh.

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1.(0.75 điểm) Xác định thể loại đoạn trích trên.

Câu 2.(0.75 điểm) Trong đoạn trích, lí do người bà cứ trông mãi giàn bầu là gì?

Câu 3.(1,0 điểm) Em hiểu gì về tâm trạng của người bà qua chi tiết: “Bà ngồi đấy lặng lẽ, thần thờ, như chờ một tiếng vạc sành, một tiếng ếch kêu.”

Câu 4.(1,0 điểm) Phân tích tác dụng của phép điệp trong câu văn sau: “Một lần, hai lần rồi ba lần, chúng tôi ngán tận cổ. Mà, chết thật, nội tôi cứ trông mãi, trông mãi, giàn bầu ngày càng rộng ra choán hết khoảng sân kiếng của cha xanh rậm rì.”

Câu 5.(1,0 điểm) Nêu chủ đề của đoạn trích.

Câu 6.(1.5 điểm) Viết đoạn văn (5-7 dòng) cảm nhận về vai trò của quê hương đối với mỗi người.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Viết một bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) đánh giá về nghệ thuật trong đoạn trích “ *Giàn bầu trước ngõ*” của Nguyễn Ngọc Tư.

-----HẾT-----

HƯỚNG DẪN CHẤM

HDC gồm có **03** trang

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Thầy cô giáo cần nắm vững yêu cầu của *Hướng dẫn chấm* và *Đáp án - Thang điểm* này để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Do đặc trưng của môn Ngữ văn, thầy cô giáo cần linh hoạt trong quá trình chấm, tránh đếm ý cho điểm, khuyến khích những bài viết sáng tạo.
- Việc chi tiết hóa điểm số của các câu (nếu có) trong *Đáp án - Thang điểm* phải được thống nhất trong Tổ chấm và đảm bảo không sai lệch với tổng điểm toàn bài.
- Bài thi được chấm theo thang điểm 10. Điểm tổng toàn bài làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	Thể loại : Truyện ngắn Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm. - Học sinh trả lời khác hoặc không có đáp án: 0 điểm	0.75
	2	Hướng dẫn chấm: Theo văn bản lí do người bà cứ trông mãi giàn bầu: - Bà (nội) làm lật vật quen rồi. - Trông trọt để đỡ nhớ quê Hướng dẫn chấm: - Học sinh trả lời như đáp án: 0,75 điểm - HS trả lời đúng 1 ý :0.5 điểm - Học sinh trả lời khác hoặc không có đáp án: 0 điểm	0.75
	3	Hướng dẫn chấm: Tâm trạng của người bà - Nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn, tình cảm gắn bó máu thịt với quê hương. - Học sinh trả lời như đáp án: 1.0 điểm. - Học sinh trả lời 1 trong 2 về trong đáp án: 0,5 điểm. - Học sinh trả lời khác hoặc không có đáp án: 0 điểm.	1.0

4	Phép điệp: “trồng mãi” - Tác dụng : + Tạo nhịp điệu, làm tăng sức diễn đạt cho câu văn + Nhấn mạnh sự bền bỉ, kiên trì và tình cảm gắn bó sâu nặng của bà nội đối với giàn bầu, cũng là đối với quê hương. + Tình yêu quê tha thiết, nỗi nhớ nguồn cội không nguôi của tác giả. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm. - HS chỉ ra được phép điệp: 0,25 điểm - HS trả lời được tác dụng: 0,5 điểm - HS trả lời được thái độ tác giả: 0,25 điểm - HS trả lời khác hoặc không có đáp án: 0 điểm.	1.0
5	Chủ đề: Văn bản thể hiện tình cảm gắn bó, yêu thương sâu sắc của con người đối với quê hương, dù đi xa đến đâu, quê hương vẫn luôn sống mãi trong trái tim mỗi người. Hướng dẫn chấm: - HS trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,0 điểm. - HS trả lời khác hoặc không có đáp án: 0 điểm.	1.0
6	Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các ý cơ bản sau: - Nêu được vai trò, ý nghĩa của quê hương – nơi sinh ra, lớn lên, gắn bó với tuổi thơ, cội nguồn của mỗi con người. - Trình bày cảm nhận, suy nghĩ riêng – quê hương là nguồn nuôi dưỡng tâm hồn, là điểm tựa tinh thần khi ta đi xa, giúp ta giữ gìn truyền thống và lòng biết ơn. - Thể hiện cảm xúc chân thành, có liên hệ thực tế (ví dụ: nhớ về hình ảnh quê nhà, con người, phong cảnh...). Hướng dẫn chấm: - Đảm bảo hình thức đoạn văn: 0,25 điểm - HS trả lời như đáp án hoặc tương đương: 1,5 điểm. - HS chỉ trả lời đúng 2 ý : 1,0 điểm. - HS chỉ trả lời đúng 1 ý : 0,5 điểm. - HS liên hệ được thực tế: 0,25 điểm. - HS trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,5	1.5

		- HS trả lời khác hoặc không có đáp án: 0 điểm.	
II		VIẾT	4,0
		a. Xác định được yêu cầu của kiểu bài - Xác định được yêu cầu của kiểu bài: nghị luận văn học	0,25
		b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận: nét đặc sắc về nghệ thuật của đoạn trích “Giàn bầu trước ngõ” của Nguyễn Ngọc Tư. Hướng dẫn chấm: - HS xác định đúng vấn đề cần nghị luận: 0,25 điểm. - HS xác định chưa đúng vấn đề cần nghị luận: 0,0 điểm.	0,25
		c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm HS có thể viết bài nhiều cách trên cơ sở kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm; đảm bảo các yêu cầu sau: - Giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm, đánh giá khái quát những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm. - Những độc đáo về nghệ thuật: + Cốt truyện đơn giản, xoay quanh tình huống đời sống nhưng đã khắc họa đậm nét tình yêu quê sâu đậm, thiết tha của nhân vật người bà. + Trình tự thời gian bị đảo lộn, mạch tự sự có những đoạn hồi tưởng, liên tưởng tạt ngang, tưởng như lỏng lẻo mà tự nhiên, hợp lý, hấp dẫn + Ngôn từ mộc mạc, giản dị, đậm chất đời thường Nam Bộ. + Nhân vật người bà là nhân vật trung tâm của đoạn trích được khắc họa sinh động qua hành động, việc làm, góp phần quan trọng thể hiện mối quan hệ gắn bó, không thể tách rời giữa con người với quê hương. + Ngôi kể thứ nhất giúp câu chuyện chân thực hơn - Đánh giá chung Hướng dẫn chấm: - Bài viết đầy đủ, sâu sắc, lí lẽ, lập luận chặt chẽ: 2,5 điểm. - Bài viết chưa đầy đủ hoặc chưa sâu: 1,5 điểm – 2,0 điểm. - Bài viết chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.	2.5
		d. Chính tả, ngữ pháp Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. (Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp)	0,5
		e. Sáng tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng	0,5

	để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục.	
Tổng điểm		10.0

1. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức			Tổng % điểm
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
1	Đọc hiểu	Ngữ liệu : Truyện ngắn (Ngữ liệu nằm ngoài SGK)				
	Số câu		2	3	1	6
	Tỉ lệ % điểm		15%	30%	15%	60
2	Viết	Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện.				
	Số câu		1*	1*	1*	1
	Tỉ lệ % điểm		10%	15%	15%	40
Tỉ lệ % điểm các mức độ			25	45	30	100
Tỉ lệ chung			70%		30%	

2. BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức/ kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số lượng câu hỏi theo mức độ nhận thức			Tổng %
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	
I	Đọc hiểu	1. Truyện ngắn	Nhận biết: - Nhận biết được một số yếu tố của truyện như: nhân vật, câu chuyện, ngôi kể, thể loại, lời người kể chuyện, lời nhân vật,... - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu. - Nhận biết được cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật. - Nhận biết một số đặc điểm của	2 câu	3 câu	1 câu	60

			ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn Thông hiểu: - Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn - Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm. - Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn, lí giải được ý nghĩa của nhân vật. - Nêu được chủ đề của tác phẩm. - Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản. - Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm. Vận dụng: - Nêu được ý nghĩa, tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống. - Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản. Vận dụng cao: - Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.				
II	Viết	1. Viết văn bản nghị luận về một tác phẩm truyện.	Nhận biết: - Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả, loại hình nghệ thuật,... của tác phẩm. - Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận. Thông hiểu: - Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm văn học .	1*	1*	1*	40

		- Phân tích được một số yếu tố của truyện ngắn hiện đại như: tình huống truyện, không gian, thời gian, câu chuyện, nhân vật, người kể chuyện ngôi thứ ba, người kể chuyện ngôi thứ nhất, sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời nhân vật. - Phân tích được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, sự kiện, nhân vật và mối quan hệ của chúng trong tính chỉnh thể của tác phẩm; nhận xét được những chi tiết quan trọng trong việc thể hiện nội dung văn bản. - Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc: Điểm nhìn trong truyện... - Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm. - Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Vận dụng: - Nêu được những bài học rút ra từ tác phẩm. - Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong tác phẩm). - Thể hiện được tinh thần nhân văn trong việc nhìn nhận, đánh giá con người: đồng cảm với những hoàn cảnh, số phận không may mắn; trân trọng niềm khát khao được chia sẻ, yêu thương. Vận dụng cao: - Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết. - Vận dụng hiệu quả những kiến thức tiếng Việt lớp 10 để tăng tính				
--	--	---	--	--	--	--

			thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.				
Tỉ lệ %				25%	45%	30%	
Tỉ lệ chung				70%		30%	100%